

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi đất của Ban quản lý Khu bảo tồn thiên Xuân Liên tại xã  
Bát Mọt, xã Yên Nhân và giao cho UBND xã Bát Mọt, UBND xã Yên  
Nhân, huyện Thường Xuân quản lý theo quy định của pháp luật**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất; số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền sử dụng đất; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015 về việc về quy định lập phương án sử dụng đất, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất, đo đạc, lập bản đồ địa chính, xác định giá thuê đất, giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các công ty nông, lâm nghiệp; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông báo số 281/TB-HĐND ngày 19/7/2019 về phiên chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 9, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 880/TTr-STNMT ngày 27/9/2021.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi 1.301.626,2 m<sup>2</sup> đất (theo loại đất hiện trạng đang sử dụng) của Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên tại xã Bát Mọt, xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân và giao cho UBND xã Bát Mọt, xã Yên Nhân quản lý theo quy định của pháp luật; trong đó, diện tích đất tại xã Yên Nhân là 709.141,2 m<sup>2</sup> và diện tích đất tại xã Bát Mọt là 592.485 m<sup>2</sup>.

*(Chi tiết về diện tích, loại đất thu hồi, giao quản lý theo hiện trạng sử dụng đất cụ thể trên địa bàn từng xã có phụ biểu kèm theo).*

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Trích lục vị trí khu đất số 569a/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Thanh Hóa), thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 27/9/2019.

- Lý do thu hồi: Người sử dụng đất tự nguyện trả đất, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai năm 2013.

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1, Quyết định này, các đơn vị sau đây có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Triển khai, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này; hướng dẫn Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên lập hồ sơ đăng ký biến động đất đai theo quy định; chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa trực thuộc và các đơn vị liên quan chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính theo đúng thời gian và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chỉ đạo Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên phối hợp chặt chẽ với UBND huyện Thường Xuân, UBND xã Bát Mọt, UBND xã Yên Nhân bàn giao đất về cho địa phương quản lý và hoàn thiện hồ sơ đăng ký biến động đất đai theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Thường Xuân và các đơn vị liên quan, thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, xử lý dứt điểm các nội dung liên quan của Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị có liên quan hướng dẫn UBND huyện Thường Xuân, Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên xác định cụ thể, chính xác giá trị tài sản gắn liền với đất và xử lý hoặc tham mưu cho cấp thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật (nếu có).

#### 4. UBND huyện Thường Xuân

- Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên tổ chức bàn giao, tiếp nhận quỹ đất được thu hồi để giao cho UBND xã Bát Mọt, UBND xã Yên Nhân quản lý theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện lập, trình UBND tỉnh phê duyệt phương án sử dụng đất, làm cơ sở tổ chức thực hiện các bước công việc tiếp theo để sử dụng hiệu quả quỹ đất nhận bàn giao theo đúng quy định Điều 8, Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015 và Điều 7 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. UBND xã Yên Nhân, UBND xã Bát Mọt có trách nhiệm quản lý chặt chẽ quỹ đất được giao cho đến khi phương án sử dụng quỹ đất thu hồi được cơ quan cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

#### 6. Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên

- Phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành cấp tỉnh, UBND huyện Thường Xuân, UBND xã Bát Mọt, UBND xã Yên Nhân thực hiện công tác bàn giao đất, bàn giao hồ sơ pháp lý liên quan đến khu đất cho UBND xã Bát Mọt, UBND xã Yên Nhân quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Hoàn thiện hồ sơ đăng ký biến động đất đai và tổ chức quản lý chặt chẽ quỹ đất được giao còn lại theo đúng quy định của pháp luật đất đai, pháp luật lâm nghiệp và các quy định của pháp luật khác liên quan; kiên quyết không để xảy ra tình trạng người dân dân tự ý xâm canh, lấn, chiếm đất hoặc xây dựng công trình trên đất trái quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; UBND huyện Thường Xuân; Giám đốc Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên; Chủ tịch UBND xã Bát Mọt, Chủ tịch UBND xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3, QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, NN.

(MC147.9.21)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

**Phụ biểu:****TỔNG HỢP DIỆN TÍCH HIỆN TRẠNG ĐANG SỬ DỤNG CỦA BAN QUẢN LÝ  
KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN XUÂN LIÊN THU HỒI VÀ BÀN GIAO VỀ CHO  
UBND XÃ YÊN NHÂN, UBND XÃ BÁT MỌT, HUYỆN THƯỜNG XUÂN QUẢN LÝ**

(Kèm theo Quyết định số:                   /QĐ-UBND ngày    tháng    năm 2021 của UBND tỉnh)

| TT               | Loại đất                              | Ký hiệu | Tổng diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> ) | Địa điểm                      |                              | Ghi Chú |
|------------------|---------------------------------------|---------|------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|---------|
|                  |                                       |         |                                          | Xã Yên Nhân (m <sup>2</sup> ) | Xã Bát Mọt (m <sup>2</sup> ) |         |
| <b>I</b>         | <b>Đất nông nghiệp</b>                |         | <b>961.558,10</b>                        |                               |                              |         |
| 1                | Đất trồng lúa                         |         |                                          |                               |                              |         |
|                  | Đất chuyên trồng lúa                  | LUC     | 280.423,10                               | 280.423,10                    |                              |         |
|                  | Đất trồng lúa khác                    | LUK     | 331.688,10                               |                               | 331.688,10                   |         |
| 2                | Đất trồng cây hàng năm khác           | BHK     | 1.545,70                                 | 1.275,40                      | 270,30                       |         |
| 3                | Đất trồng cây lâu năm                 | LNK     | 26.746,00                                | 26.746,00                     |                              |         |
| 4                | Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác | NHK     | 1.777,50                                 |                               | 1.777,50                     |         |
| 5                | Đất lâm nghiệp khác                   |         | 311.984,70                               | 158.004,00                    | 153.980,70                   |         |
| 6                | Đất nuôi trồng thủy sản               | TSN     | 7.393,00                                 | 6.191,00                      | 1.202,00                     |         |
| <b>II</b>        | <b>Đất phi nông nghiệp</b>            |         | <b>258.572,20</b>                        |                               |                              |         |
| 1                | Đất ở nông thôn                       | ONT     | 140.044,80                               | 140.044,80                    |                              |         |
| 2                | Đất giáo dục                          | DGD     | 3.838,50                                 | 946,60                        | 2.891,90                     |         |
| 3                | Đất giao thông                        | DGT     | 52.741,20                                | 48.857,60                     | 3.883,60                     |         |
| 4                | Đất thủy lợi                          | DTL     | 35.481,80                                | 20.317,70                     | 15.164,10                    |         |
| 5                | Đất thể thao                          | DTT     | 1.987,60                                 | 1.987,60                      |                              |         |
| 6                | Đất văn hóa                           | DVH     | 2.016,60                                 | 2.016,60                      |                              |         |
| 7                | Đất mặt nước chuyên dùng              | MNC     | 859,60                                   | 859,60                        |                              |         |
| 8                | Đất sông                              | SON     | 21.602,10                                | 21.602,10                     |                              |         |
| <b>III</b>       | <b>Đất chưa sử dụng</b>               |         | <b>81.495,90</b>                         |                               |                              |         |
|                  | Đất bằng chưa sử dụng                 | BCS     | 81.495,90                                | 21.471,20                     | 60.024,70                    |         |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                       |         | <b>1.301.626,20</b>                      | <b>709.141,20</b>             | <b>592.485,00</b>            |         |